

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Kính gửi: Các tổ chức đấu giá trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư Pháp về việc Hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

Căn cứ Quyết định số 50/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, công văn số 3870/UBND-TN ngày 21/8/2020, quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung;

Căn cứ Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt phương án đấu giá;

Căn cứ Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Quyết định đấu giá QSD đất;

Căn cứ Quyết định số 2085/QĐ-UBND ngày 12/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá;

Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ của đơn vị được giao quản lý tài sản:

Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh

09 Lê Quý Đôn, Đông Hà, Quảng Trị

Điện thoại: (0233).3555.837

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng, giá khởi điểm:

- Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất ở đô thị của 11 lô đất tại khu đất ký hiệu KV3 thuộc dự án Đường vành đai cứu hộ, cứu nạn phía Tây thành phố Đông Hà chi tiết xem Phụ lục 1 Danh sách 11 lô đất đấu giá đính kèm.

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở đô thị;

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

- Hạ tầng kỹ thuật hoàn thiện theo quy mô dự án, đủ điều kiện để sử dụng theo mục đích sử dụng đất, không có tài sản trên đất.

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tổ chức đấu giáⁱ:

Tổ chức đấu giá được đánh giá theo các tiêu chí quy định tại Bảng tiêu chí tại Phụ lục 2 kèm theo thông báo này.

Tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn là tổ chức có tổng số điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại. Trường hợp có từ hai tổ chức đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì người có tài sản đấu giá xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đóⁱⁱ.

Các tình huống phát sinh trong quá trình đánh giá các tiêu chí sẽ được Trung tâm PTQĐ tỉnh đánh giá theo khoảng 4,5,6,7 Điều 5 Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08/2/2022.

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

- Thời gian nộp hồ sơ: Tổ chức đấu giá tài sản nộp hồ sơ trong giờ hành chính kể từ ngày thông báo đến **hết ngày 15/9/2023**.

- Địa điểm nộp: Phòng Kỹ thuật và Quản lý quỹ đất - Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị. Địa chỉ: 09 Lê Quý Đôn, Đông Hà, Quảng Trị.

- Số lượng hồ sơ nộp: 03 bộ (01 bản chính và 02 bản chụp)

- Người đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu còn thời hạn và Chứng minh nhân dân/căn cước công dân; không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được lựa chọn.

5. Thông báo công khai về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Nội dung thông báo này được đăng tải trên trang thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (<https://dgts.moj.gov.vn/>), trang thông tin điện tử: Sở TN&MT Quảng Trị (<http://stnmt.quangtri.gov.vn/>), Trung tâm PTQĐ tỉnh (<http://ttptquydatquangtri.vn/>) và niêm yết tại trụ sở Trung tâm PTQĐ tỉnh (09 Lê Quý Đôn, Đông Hà).

6. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

- Hồ sơ pháp lý đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản

ⁱ Khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

ⁱⁱ Khoản 3 Điều 5 Thông tư 02/2022/TTBTP ngày 08/2/2022

- Bản mô tả năng lực, kinh nghiệm kèm theo hồ sơ năng lực, kinh nghiệm của tổ chức đấu giá, đấu giá viên.

- Phương án tổ chức đấu giá khả thi, hiệu quả thuyết minh đầy đủ các nội dung của mục II Bảng tiêu chí đánh giá.

Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh thông báo để các tổ chức đấu giá được biết và đăng ký.

Nơi nhận:

- Các Tổ chức đấu giá tại Quảng Trị;
- Sở TN&MT (b/c, đăng Website);
- Cổng thông tin quốc gia về đấu giá tài sản;
- Website đơn vị (ttptquydatquangtri.vn);
- Lưu: VT, KT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Đăng Hải

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH 11 LÔ ĐẤT ĐẤU GIÁ
(Kèm theo Thông báo số /TB-TTPTQĐ ngày /9/2023
của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh)

TT	Khu đất	Ký hiệu lô	Diện tích (m ²)	Giá sàn (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền mua hồ sơ (đồng)	Tên đường, mặt cắt
I Đường vành đai cứu hộ, cứu nạn phía Tây thành phố Đông Hà							
1.	KV3	13	272,4	1.770.600.000	354.120.000	500.000	Đường nhựa khu vực, mặt cắt 13m và đường qui hoạch 9m
2.	KV3	15	172	1.118.000.000	223.600.000	500.000	Đường nhựa khu vực, mặt cắt 13m
3.	KV3	17	171,9	1.117.350.000	223.470.000	500.000	Đường nhựa khu vực, mặt cắt 13m
4.	KV3	18	171,8	1.116.700.000	223.340.000	500.000	Đường nhựa khu vực, mặt cắt 13m
5.	KV3	19	147,3	957.450.000	191.490.000	500.000	Đường nhựa khu vực, mặt cắt 13m
6.	KV3	20	147,2	956.800.000	191.360.000	500.000	Đường nhựa khu vực, mặt cắt 13m
7.	KV3	21	147,1	956.150.000	191.230.000	500.000	Đường nhựa khu vực, mặt cắt 13m
8.	KV3	22	147,1	956.150.000	191.230.000	500.000	Đường nhựa khu vực, mặt cắt 13m
9.	KV3	23	147	955.500.000	191.100.000	500.000	Đường nhựa khu vực, mặt cắt 13m
10.	KV3	24	146,9	954.850.000	190.970.000	500.000	Đường nhựa khu vực, mặt cắt 13m
11.	KV3	25	146,8	954.200.000	190.840.000	500.000	Đường nhựa

TT	Khu đất	Ký hiệu lô	Diện tích (m2)	Giá sàn (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền mua hồ sơ (đồng)	Tên đường, mặt cắt
							khu vực, mặt cắt 13m
	Tổng		1.817,5	11.813.750.000			

PHỤ LỤC 2
BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC
ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

(Kèm theo Thông báo số /TB-TTPTQĐ ngày /9/2023
của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh)

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0	
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0	
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0	
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0	
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0	
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0	
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0	
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0	
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0	
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0	
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0	
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0	
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0	
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giá	4,0	
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng	4,0	

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	<i>mức độ phổ biến thông tin đấu giá</i>		
5	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</i>	3,0	
6	<i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>	3,0	
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0	
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>	6,0	
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0	
1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0	
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0	
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0	
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0	
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng). Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i>	18,0	
2.1	<i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i>	10,0	
2.2	<i>Từ 20% đến dưới 40%</i>	12,0	
2.3	<i>Từ 40% đến dưới 70%</i>	14,0	
2.4	<i>Từ 70% đến dưới 100%</i>	16,0	
2.5	<i>Từ 100% trở lên</i>	18,0	
3	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh</i>	5,0	

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	<i>doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực). Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</i>		
3.1	<i>Dưới 03 năm</i>	3,0	
3.2	<i>Từ 03 năm đến dưới 05 năm</i>	4,0	
3.3	<i>Từ 05 năm trở lên</i>	5,0	
4	<i>So lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3</i>	3,0	
4.1	<i>01 đấu giá viên</i>	1,0	
4.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	2,0	
4.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	3,0	
5	<i>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản). Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3</i>	4,0	
5.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	2,0	
5.2	<i>Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	3,0	
5.3	<i>Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	4,0	
6	<i>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4</i>	5,0	
6.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	2,0	
6.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	3,0	
6.3	<i>Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng</i>	4,0	
6.4	<i>Từ 200 triệu đồng trở lên</i>	5,0	
7	<i>Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2</i>	3,0	

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
7.1	<i>Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)</i>	2,0	
7.2	<i>Từ 03 nhân viên trở lên</i>	3,0	
8	<i>Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn</i>	1,0	
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0	
1	<i>Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính</i>	3,0	
2	<i>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	4,0	
3	<i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	5,0	
V	Có phương án nộp tiền đặt trước qua ứng dụng Mobil Banking và tiếp nhận hồ sơ đấu giá qua đường bưu chính	5,0	
Tổng số điểm		100	
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
1	<i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Đủ điều kiện</i>	
2	<i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Không đủ điều kiện</i>	